

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2025/QĐST-HNHD ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Lê S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Lê Sơn C nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01 ngày 28/4/2010. Ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có

kết quả. Bà và ông S đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê S.

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Thị Cẩm H, sinh ngày 27/7/1996 và Lê D, sinh ngày 13/9/1997. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê S trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Hà Thị Thanh T về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và con chung. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì con chung của ông bà là Lê Thị Cẩm H tháng 12/2025 sẽ cưới nếu ông bà ly hôn thì ông sợ bà T không về làm đám cưới con. Muốn ly hôn ông sẽ ký nhưng qua đám cưới con ông bà là tháng 12/2025.

Về con chung: Ông S và bà T có hai con chung tên Lê Thị Cẩm H, sinh ngày 27/7/1996 và Lê D, sinh ngày 13/9/1997. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Hà Thị Thanh T và ông Lê Sơn C nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01 ngày 28/4/2010. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông Lê S nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông S trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Hà Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu “Tranh chấp ly hôn” với bị đơn ông Lê S. Ông Lê S đang cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn”; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân

dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê S.

[2]. Về nội dung :

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Hà Thị Thanh T và ông Lê S tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyền số 01 đăng ký ngày 28/4/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp nên hôn nhân giữa bà Hà Thị Thanh T và ông Lê S là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Hà Thị Thanh T trình bày cho rằng trong ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Bà T và ông S đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, nay bà Hà Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Lê S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải và cho thời hạn để hai bên hàn gắn tình cảm nhưng quá trình giải quyết vụ án bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông S. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án ông S không có đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với bà T để bà T hàn gắn lại tình cảm và tại phiên tòa, ông S vẫn vắng mặt chứng tỏ ông S không có thiện chí để hàn gắn tình cảm trong khi thời gian ly thân đã lâu và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông S là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông S là toàn phù hợp với quy định tại **Điều 51, Điều 56** của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà Hà Thị Thanh T và ông Lê S thống nhất trình bày trong quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Lê Thị Cẩm H, sinh ngày 27/7/1996 và Lê D, sinh ngày 13/9/1997. Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Hà Thị Thanh T và ông Lê S thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy các bên không tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tranh chấp tài sản chung. Nếu sau này bà T và ông Lê S có tranh chấp thì bà T, ông S được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] Nợ chung: Bà Hà Thị Thanh T và ông Lê S thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Buộc bà Hà Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Thanh T về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn ông Lê S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê S.
2. Về con chung: Bà Hà Thị Thanh T và ông Lê S thống nhất trình bày ông bà có hai con chung tên Lê Thị Cẩm H, sinh ngày 27/17/1996 và Lê D, sinh ngày 13/9/1997. Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Bà Hà Thị Thanh T và ông Lê S thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Bà Hà Thị Thanh T và ông Lê S thống nhất trình bày không có trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Buộc bà Hà Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà Hà Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006741 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.
6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- **UBND xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành